TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 11 – 2020
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Chi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Kiên Nhẫn

2. Ông Nguyễn Văn Mua

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phương – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 449/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp MT, xã ML, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

* *Bị đơn*: Ông Lê Văn V, sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp CB, xã MTT, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 9 năm 2020 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Đ trình bày:

Bà Đ và ông V trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình bà Điệp và ông V tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian vợ chồng hạnh phúc được 21 năm. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, bà Đ không còn tình cảm với ông V. Tháng 9/2020 vợ chồng sống ly thân cho đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Đ yêu cầu được ly hôn với ông V. Về con chung: không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn là ông Lê Văn V có bản khai trình bày: Về hôn nhân: Ông Việt đồng ý ly hôn với bà Đ; Về con chung: không có không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Ông V không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Lê Văn V có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhận định như sau:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của bà Nguyễn Thị Ngọc Đ quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ và ông Lê Văn V có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Đ và ông V theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về hôn nhân: Bà Đ với ông V có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật đã vi phạm vào Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ giữa bà Đ và ông V là vợ chồng.

[4]. Về con chung: Bà Đ và ông V không có không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ và ông V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 5 khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể bà Đ phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng án phí và được khấu trừ vào trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 3 Điều 2, Điều 9; Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Ngọc Đ và ông Lê Văn V là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Đ và ông V không có không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ và ông V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc Đ nộp 300.000đồng; khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng bà Đ đã nộp theo biên lai thu số No 0010510 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB nên bà Đ không phải nộp thêm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Bà Đ và ông V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ, để chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện TB;
- Chi cục THADS huyện TB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Trần Thị Hồng Chi